

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thay thế các nội dung quy định tại số thứ tự VI mục A phần I (Danh mục thủ tục hành chính) tại Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cơ quan, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Công thông tin điện tử Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCPT, VPB (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN
VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ
QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (NHÓM A)

STT	Mã TTHC (nếu có)	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/ người có thẩm quyền quyết định
A	TTHC CẤP TRUNG ƯƠNG					
1	5.000075	Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 06/10/2015	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	5.000076	Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Điều 10 Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi (5.000075)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan giám sát (Cơ quan được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản hoặc theo phân công, phân cấp của UBND cấp tỉnh, thành phố) thực hiện điều tra, thu thập thông tin, khảo sát tình hình nuôi trồng thủy sản; xác định đối tượng thủy sản nuôi, vùng nuôi cần giám sát.

- Bước 2: Cơ quan giám sát xây dựng kế hoạch triển khai của năm tiếp theo tại địa bàn quản lý và báo cáo Cơ quan kiểm tra (Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường) trước ngày 10/12 hàng năm.

- Bước 3. Cơ quan kiểm tra (Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, bao gồm cả các đơn vị trực thuộc) tổng hợp, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Kế hoạch triển khai của năm tiếp theo.

- Bước 4: Cơ quan kiểm tra thông báo kế hoạch triển khai của năm tiếp theo trên phạm vi cả nước đến Cơ quan giám sát và các cơ quan khác có liên quan để triển khai trước ngày 31/12 hàng năm.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tổng hợp tình hình nuôi trồng thủy sản thuộc tỉnh/thành phố và đề xuất kế hoạch lấy mẫu hàng năm (theo mẫu tại Phụ lục I Thông tư số 31/2015/TT-BNNPTNT).

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 21 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản hoặc theo phân công, phân cấp của UBND cấp tỉnh, thành phố.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

g) Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục I - Tổng hợp tình hình nuôi trồng thủy sản và đề xuất kế hoạch triển khai hàng năm

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 06/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi.

**Phụ lục I. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
VÀ ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HÀNG NĂM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 06/10/2015
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỞ NN&MT TỈNH/TP.....
..... (TÊN CƠ QUAN GIÁM SÁT).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THUỘC TỈNH/THÀNH PHỐ
VÀ ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH LẤY MẪU NĂM

I. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN:

Tên/Mã số vùng nuôi (nếu có)	Tên vùng nuôi	Loài thủy sản (bao gồm cả tên khoa học)	Diện tích nuôi (ha)		Sản lượng nuôi (tấn)				Thời gian nuôi (tính từ khi thả giống đến khi thu hoạch) (tháng)	Thời điểm thu hoạch (tháng)	Ghi chú
					Nuôi không cho ăn, không phòng trị bệnh		Nuôi có cho ăn, có phòng trị bệnh				
			Năm.... (thực tế)	Năm.... (dự kiến)	Năm.... (thực tế)	Năm.... (dự kiến)	Năm.... (thực tế)	Năm.... (dự kiến)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Sú/pen									
Tổng cộng											
		Tôm sú									
		Tôm thẻ									
		Cá rô phi									
											

(Chú thích: Các nội dung ghi trên bảng là ví dụ minh họa)

Ghi chú:

- Các cột (10), (11) cần nêu rõ thời gian nuôi và thời vụ thu hoạch (tính theo tháng trong năm)
- Kết quả ở cột (4), (6): nếu có sai lệch nhiều so với kế hoạch thì cần phải nêu rõ nguyên nhân.

II. KẾ HOẠCH LẤY MẪU GIÁM SÁT:

Mã số vùng nuôi	Đối tượng lấy mẫu	Sản lượng thủy sản nuôi (tấn)		Dự kiến tháng lấy mẫu và số lượng mẫu cần lấy														Dự kiến nhóm chỉ tiêu chỉ định kiểm nghiệm
				CCẤTB	KCCẤTB	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	S
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
36/01	Tôm sú	300								2	1						3	Tháng 6: 1 mẫu kiểm nhóm B3a; 1 mẫu kiểm

																	nhóm B3c. Tháng 7: 1 mẫu kiểm nhóm B3c
	...																
36/02	Tôm thẻ	1500						1	2	4	4	4				15	Tháng 5: 1(A6) Tháng 6: 1(B2a); 1(Sulf); Tháng 7: 1(B3a); 1(Trime), 1(Qui.), 1 (A6); Tháng 8: 1(Qui), 1(Sulf), 1(B3d); 1(B3e); Tháng 9: 1 (B3a), 1(B3d); 1(B3c); 1(A6);
....																	
Tổng cộng																	
	Tôm sú																
	Tôm thẻ																
	Cá rô phi																
																	

(Chú thích: Các nội dung ghi trên bảng là ví dụ minh họa)

Ghi chú:

- Các cột (4) - (16): ghi rõ số mẫu lấy từng vùng nuôi theo từng tháng
- Cột (17): Ghi rõ nhóm chỉ tiêu chỉ định kiểm cho từng mẫu/tháng
- Các chữ viết tắt: Tetra. : Nhóm Tetracycline; Sulfo : Nhóm Sulfonamides; Quino. : Nhóm Quinolones
- Căn cứ vào các thông tin tập hợp từ thực tế khảo sát vùng nuôi (đặc biệt là hiện trạng sử dụng các loại hóa chất, thuốc thú y trong nuôi trồng thủy sản) để chỉ định các chỉ tiêu kiểm nghiệm trong các Nhóm chỉ tiêu nêu trên.

....., ngàythángnăm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

2. Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ (5.000076)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Vào đầu quý IV hàng năm, Cơ quan kiểm soát (Cơ quan được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản hoặc theo phân công, phân cấp của UBND cấp tỉnh, thành phố) tổ chức thu thập thông tin, thống kê số liệu cần thiết về vùng thu hoạch để xây dựng/điều chỉnh kế hoạch lấy mẫu giám sát phù hợp với thực tế bao gồm:

+ Cập nhật diện tích vùng thu hoạch và đối tượng nhuyễn thể hai mảnh vỏ (NT2MV) cần kiểm soát đề đề xuất với Cơ quan kiểm tra (Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ) điều chỉnh kế hoạch lấy mẫu giám sát (nếu có thay đổi);

+ Lập kế hoạch lấy mẫu giám sát; dự trù kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước gửi Cơ quan kiểm tra trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

- Bước 2: Cơ quan kiểm tra thực hiện thẩm tra, điều chỉnh kế hoạch theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT (nếu có), tổng hợp kế hoạch lấy mẫu và dự trù kinh phí trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt Kế hoạch triển khai của năm tiếp theo.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, Cơ quan kiểm tra gửi văn bản thông báo kế hoạch lấy mẫu giám sát kèm theo dự trù kinh phí tới các Cơ quan kiểm soát để tổ chức triển khai thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản hoặc theo phân công, phân cấp của UBND cấp tỉnh, thành phố.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

g) Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ./.